TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2020
"*V/v Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm pHn – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Bùi Hữu KHnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 28 tHng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tHng 02 năm 2020 về việc "*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tHng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1990 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: Khóm X, Phường TT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Anh Từ Văn T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TP, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Từ Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường TT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/3/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống hôn nhân không hòa hợp, chị và anh T đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Từ Khải Đ, sinh ngày 28/9/2016, hiện nay đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/3/2020 anh Từ Văn T không đồng ý ly hôn với chị H, vì anh cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị H là chưa trầm trọng nên muốn hàn gắn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Mỹ H và anh Từ Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh anh Từ Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp TH, xã TP, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Mỹ H và anh Từ Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị Nguyễn Mỹ H có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị H đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng do các đương sự không thống nhất được nội dung giải quyết của vụ án nên Tòa án căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh T hợp lệ đến lần thứ hai đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống hôn nhân không hòa hợp, không có hạnh phúc trong thời gian dài, anh chị đã sống ly thân với nhau thời gian dài. Tại biên bản hòa giải ngày 18/3/2020 anh T không đồng ý ly hôn, nhưng từ đó đến nay anh cũng không có động thái gì để hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

Về nuôi dưỡng con chung: Chị H và anh T có 01 người con chung tên Từ Khải Đ, sinh ngày 28/9/2016, hiện nay đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H và hiện nay các cháu Đăng đã sống với chị H ổn định về mọi mặt nên Hội đồng xét xử giao cháu

Đăng cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa chị H và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pHp luật.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tHng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Mỹ H được ly hôn với anh Từ Văn T.

Về con chung: Giao cháu Từ Khải Đ, sinh ngày 28/9/2016 cho chị Nguyễn Mỹ H nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Mỹ H phải chịu 300.000 đồng, ngày 24/02/2020 chị H có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0005172 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Từ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *UBND phường Tân Thành;*
- *Các đương sự;*
-

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA